

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO  
Ngày 27/5/2026

**THÔNG TƯ**

**Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán  
vốn đầu tư dự án**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển hạ tầng;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hệ thống mẫu biểu và việc sử dụng mẫu biểu quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án (Nghị định số.... /2026/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, thực hiện hoặc có liên quan đến công tác quyết toán vốn đầu tư dự án.

**Điều 3. Hệ thống mẫu biểu**

Thông tin, số liệu được lấy tại ngày chủ đầu tư khóa sổ lập báo cáo quyết toán hoặc thời điểm ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

1. Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án: Mẫu số 01/QTDA.
2. Danh mục văn bản: Mẫu số 02/QTDA.
3. Bảng đối chiếu số liệu: Mẫu số 03/QTDA.
4. Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: Mẫu số 04/QTDA.
5. Chi tiết giá trị tài sản hình thành: Mẫu số 05/QTDA.
6. Chi tiết giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng: Mẫu số 06/QTDA.
7. Tình hình công nợ của dự án: Mẫu số 07/QTDA.
8. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án (dùng cho dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị): Mẫu số 08/QTDA.
9. Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia: Mẫu số 09/QTDA.
10. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập): Mẫu số 10/QTDA.
11. Báo cáo tình hình quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm: Mẫu số 11/QTDA (bao gồm cả phần lời và Mẫu biểu).
12. Phiếu giao nhận Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án: Mẫu số 12/QTDA.

**Điều 4. Sử dụng mẫu biểu**

1. Đối với dự án (dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành, dự án dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số /2026/NĐ-CP: báo cáo theo Mẫu số 01/QTDA, Mẫu số 02/QTDA, Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 04/QTDA, Mẫu số 05/QTDA, Mẫu số 06/QTDA, Mẫu số 07/QTDA.

2. Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy

định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số /2026/NĐ-CP: báo cáo theo Mẫu số 03/QTDA, Mẫu số 07/QTDA, Mẫu số 08/QTDA.

3. Báo cáo kết quả phê duyệt tổng quyết toán vốn đầu tư dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số /2026/NĐ-CP: theo Mẫu số 09/QTDA.

4. Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số /2026/NĐ-CP: theo Mẫu số 10/QTDA.

5. Báo cáo tình hình quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công trong năm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số /2026/NĐ-CP: theo Mẫu số 11/QTDA.

6. Việc giao nhận hồ sơ quyết toán:

a) Đối với việc nhận hồ sơ trực tiếp theo Mẫu 12/QTDA: thời gian nhận tính thời điểm cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký phiếu giao nhận với bên giao nhận.

b) Đối với việc nhận hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật: thời gian nhận tính theo thời gian đóng dấu công văn đến của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

c) Đối với chương trình quản lý văn bản và điều hành: thời gian nhận được xác định theo thời gian cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận văn bản trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 27/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1, Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (Thông tư số 91/2025/TT-BTC).

4. Bãi bỏ cụm từ “quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành” tại Điều 2 Thông tư số 91/2025/TT-BTC.

5. Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã nộp hồ sơ quyết toán về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì không phải lập lại mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư này.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

7. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ PTHT (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Quốc Phương**